TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 08 /2023/DS - ST Ngày 14 - 09 -2023 *V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Thanh Hương

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Ly Giờ Gụ

2. Ông Nguyễn Xuân Hùng

- Thư ký phiên toà: Bà Thào Thị Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 09 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2023/TLST- DS ngày 24 tháng 05 năm 2023 về việc kiện "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST- DS ngày 24 tháng 08 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số: 18/2023/QĐST-DS ngày 08 tháng 09 năm 2023 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:** Ngân hàng N

Địa chỉ: Số 2, Láng Hạ, phường T, quận B, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân H - chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N, chi nhánh huyện B.

Địa chỉ: Tổ 04, đường huyện B, tỉnh Lào Cai (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

***Bị đơn*:** Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H

Cùng địa chỉ: Tổ 08, thị t, huyện B, tỉnh Lào Cai (Vắng mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Thành Đ và anh Nguyễn Hoàng S

Cùng địa chỉ: Tổ 08, thị t, huyện B, tỉnh Lào Cai (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng N trình bày:

Từ ngày 05/10/2016 đến ngày 05/12/2019 Ngân hàng N, chi nhánh huyện B Lào Cai II đã ký 04 hợp đồng tín dụng với ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H cụ thể từng hợp đồng như sau:

Hợp đồng tín dụng số: 8803- LAV-201602193/HĐTD ngày 05/10/2016 số tiền cấp tín dụng là: 4.900.000.000 đồng *(Bốn tỷ chín trăm triệu đồng chẵn)*, thời hạn cho vay: 120 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mục đích vay vốn là xây nhà tại tổ 08, thị trấn Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

- Tính đến ngày 22/06/2019 số nợ gốc khoản vay trên đã trả được là: 1.400.000.000 đồng *(Một tỷ bốn trăm triệu đồng),*số tiền lãi đã trả được là: 1.504.925.675 đồng trả lãi đến ngày 22/06/2019. Đến nay số tiền nợ gốc còn là: **3.500.000.000 đồng** (*Ba tỷ năm trăm triệu đồng chẵn*); Số tiền vay đã quá hạn tạm tính lãi từ ngày 22/06/2019 đến ngày 11/04/2023, cụ thể như sau:

+ Tiền gốc: 3.500.000.000 đồng
+ Tiền lãi trong hạn: 1.643.493.056 đồng
+ Tiền lãi quá hạn: 121.366.438 đồng

Hợp đồng tín dụng số: 8803-LAV-201700862/HĐTD ngày 27/04/2017 số tiền cấp tín dụng là: 600.000.000 đồng *(Sáu trăm triệu đồng chẵn)*, thời hạn cho vay: 120 tháng kể từ ngày ký hợp đồng ,mục đích vay vốn: Sửa chữa nhà ở và mua sắm đồ dùng gia đình. Tính đến ngày 27/10/2019 số nợ gốc khoản vay trên đã trả được là: 120.000.000 đồng *(Một trăm hai mươi triệu đồng),*số tiền lãi đã trả được là: 171.043.933 đồng trả lãi đến ngày 27/10/2019. Đến nay số tiền nợ gốc còn là: **480.000.000 đồng** (*Bốn trăm tám mươi triệu đồng*). Số tiền vay đã quá hạn tạm tính lãi từ ngày 27/10/2019 đến ngày 11/04/2023, cụ thể như sau:

+ Tiền gốc: 480.000.000 đồng
+ Tiền lãi trong hạn: 204.226.667 đồng
+ Tiền lãi quá hạn: 21.161.096 đồng

Hợp đồng tín dụng số: 8803-LAV-201702055 ngày 09/11/2017 số tiền cấp tín dụng là: 400.000.000 đồng *(Bốn trăm triệu đồng chẵn)*. Thời hạn cho vay: 36 tháng, mục đích vay vốn: Mua sắm đồ dùng và thiết bị nhà bếp.

- Tính đến ngày 24/02/2020 số tiền nợ gốc khoản vay trên đã trả được là: 260.000.000 đồng *(Hai trăm sáu mươi triệu đồng),* số tiền lãi đã trả được là: 84.363.616 đồng, trả lãi đến ngày 24/02/2020. Đến nay số nợ gốc còn là: **140.000.000 đồng** (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*). Số tiền vay đã quá hạn tạm tính lãi từ ngày 24/02/2020 đến ngày 11/04/2023, cụ thể như sau:

+ Tiền gốc: 140.000.000 đồng

+ Tiền lãi trong hạn: 53.690.972 đồng

+ Tiền lãi quá hạn: 19.929.863 đồng

Hợp đồng tín dụng số: 8803-LAV-201902289 ngày 05/12/2019 số tiền cấp tín dụng là: 300.000.000 đồng *(Ba trăm triệu đồng chẵn)*. Thời hạn cho vay: 12 tháng, mục đích vay vốn: Giết mổ gia súc, gia cầm.

- Tính đến ngày 28/02/2020 số tiền nợ gốc khoản vay trên đã trả được là: 245.963.000 đồng *(Hai trăm bốn mươi lăm triệu, chín trăm sáu mươi ba nghìn đồng),* số tiền lãi đã trả được là: 1.928.849 đồng, trả lãi đến ngày 28/02/2020. Đến nay số nợ gốc còn là: **54.037.000 đồng** *(Năm mươi tư triệu không trăm ba mươi bảy nghìn đồng*). Số tiền vay đã quá hạn tạm tính lãi từ ngày 28/02/2020 đến ngày 11/04/2023, cụ thể như sau:

+ Tiền gốc: 54.037.000 đồng

+ Tiền lãi trong hạn: 24.012.941 đồng

+ Tiền lãi quá hạn: 7. 572.582 đồng

Các Hợp đồng tín dụng trên được bảo đảm tiền vay bởi 02 hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất là: Hợp đồng thế chấp số: 03102016 ký ngày 03/10/2016 và Hợp đồng thế chấp số 23072015 ký ngày 22/7/2015 kèm phụ lục hợp đồng thế chấp số: 29052018/PLHĐ ngày 29/05/2018; phụ lục hợp đồng đã được công chứng ngày 29/05/2018 tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B ngày 23/07/2015.

Thông tin tài sản bảo đảm:

Tài sản là quyền sử dụng đất số: Y034110 do UBND huyện B cấp ngày 20/10/2003, số vào sổ cấp GCN: 00779, diện tích đất: 150m2 đất ở, địa chỉ thửa đất: tổ 8, thị trấn Bát Xát, huyện B. Chủ bảo đảm tài sản thế chấp: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H.

Tài sản là quyền sử dụng đất số AD956751 do UBND huyện B cấp ngày 07/12/2006; số vào sổ cấp GCN: 01194; diện tích đất: 120m^2, địa chỉ thửa đất: tổ 8, thị trấn Bát Xát, huyện B. Chủ bảo đảm tài sản thế chấp: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H.

Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng trên, ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H đã vi phạm các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng không thanh toán đầy đủ tiền gốc và lãi vay. Sau nhiều lần đôn đốc thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngân hàng có các biên bản làm việc, thông báo xử lý tài sản bảo đảm với ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ khoản vay tại Ngân hàng N, chi nhánh huyện B Lào Cai II.

Tại đơn khởi kiện Ngân hàng N đề nghị Tòa án giải quyết trong trường hợp ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H không thực hiện hoặc thực hiện

không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam được yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H để đảm bảo thu hồi nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp số: 03102016 ký ngày 03/10/2016 và Hợp đồng thế chấp số 23072015 ký ngày 22/7/2015 kèm phụ lục hợp đồng thế chấp số: 29052018/PLHĐ ngày 29/05/2018. Ngày 14/07/2023 Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Xuân H đã có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với hợp đồng thế chấp số: 23072015 ký ngày 22/7/2015 kèm phụ lục hợp đồng thế chấp số: 29052018/PLHĐ ngày 29/05/2018

Quan điểm của Ngân hàng N đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng N tính đến ngày 14/09/2023 tổng số tiền là: 6.507.141.891 đồng (Sáu tỷ năm trăm linh bẩy triệu một trăm bốn mươi mốt nghìn tám trăm chín mốt đồng), trong đó dư nợ gốc: 4.160.337.000 đồng (Bốn tỷ một trăm sáu mươi triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn đồng). Nợ lãi trong hạn: 2.141.770.285 đồng (Hai tỷ một trăm bốn mươi mốt triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn, hai trăm tám lăm đồng) và Nợ lãi quá hạn: 205.034.606 đồng (Hai trăm linh năm triệu, không trăm ba mươi tư nghìn, sáu trăm linh sáu đồng) phát sinh theo các hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng số: Hợp đồng tín dụng số: 8803- LAV-201602193/HĐTD ngày 05/10/2016; Hợp đồng tín dụng số: 8803-LAV-201700862/HĐTD ngày 27/04/2017; Hợp đồng tín dụng số: 8803-LAV-201702055 ngày 09/11/2017; Hợp đồng tín dụng số: 8803-LAV-201902289 ngày 05/12/2019. Trường hợp ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng N được yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H để đảm bảo thu hồi nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp số: 03102016 ký ngày 03/10/2016.

Bị đơn Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H: Sau khi Toà án thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H nhưng ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H đã từ chối nhận các văn bản tố tụng của Toà án, ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H không có văn bản trả lời, cũng không đến Tòa án làm bản tự khai, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H vắng mặt lần thứ 2 không có lý do vì vậy Toà án đã đưa vụ án ra xét xử.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Thành Đ, anh Nguyễn Hoàng S. Tòa án tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Nguyễn Thành Đ, anh Nguyễn Hoàng S nhưng anh Nguyễn Thành Đ, anh Nguyễn Hoàng S từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, anh Nguyễn Thành Đ, anh Nguyễn Hoàng S không có văn bản trả lời, cũng không đến Tòa án làm bản tự khai, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa anh Nguyễn Thành Đ, anh Nguyễn Hoàng S vắng mặt lần thứ 2 không có lý do vì vậy Toà án đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu khởi kiện của mình.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án các thủ tục tố tụng được tiến hành đầy đủ, đúng quy định. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Toà án đã tiến hành tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng của Toà án nhưng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, Tòa án tiến hành lập biên bản về việc từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có văn bản trả lời và cũng không đến Toà án làm bản tự khai, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Vì vậy Toà án tiến hành giải quyết theo thủ tục chung và đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điểm a,b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 241, 288, 292, 299, 317, 318, 320, 322, 401, 463, 466; khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 91; 95; 98 của Luật các Tổ chức tín dụng; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 14/09/2023 tổng số tiền là: 6.507.141.891 đồng (Sáu tỷ năm trăm linh bẩy triệu một trăm bốn mươi mốt nghìn tám trăm chín mốt đồng), trong đó dư nợ gốc: 4.160.337.000 đồng (Bốn tỷ một trăm sáu mươi triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn đồng). Nợ lãi trong hạn: 2.141.770.285 đồng (Hai tỷ một trăm bốn mươi mốt triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn, hai trăm tám lăm đồng)

và Nợ lãi quá hạn: 205.034.606 đồng (Hai trăm linh năm triệu, không trăm ba mươi tư nghìn, sáu trăm linh sáu đồng).

Trường hợp ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy nghĩa vụ trả nợ trên cho Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp theo quy định của Luật thi hành án để thu hồi khoản nợ trên.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút về việc không đề nghị Tòa án giải quyết đối với Hợp đồng thế chấp số: 23072015 ký ngày 22/7/2015 kèm phụ lục hợp đồng thế chấp số: 29052018/PLHĐ ngày 29/05/2018.

Tuyên án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thành Đ, anh Nguyễn Hoàng S vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại đơn đề nghị đề ngày 25/07/2023 chị Nguyễn Thị Thùy D là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị gửi Tòa án nhân dân huyện B có nội dung tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 03102016 ký ngày 03/10/2016 giữa Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh huyện B với ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H đối với thửa đất số 140, tờ bản đồ số 11, diện tích 150m^2 có địa chỉ tại tổ 8 , thị trấn Bát Xát, huyện B, đối với thửa đất trên chị Nguyễn Thị Thùy D cho rằng chị không có đóng góp công sức gì và không sử dụng hiện tại đã lập gia đình đi ở riêng nên chị Nguyễn Thị Thùy D làm đơn từ chối tham gia tố tụng và đề nghị Tòa án không đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án này.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

[2] Xét hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp

[2.1] Xét hợp đồng tín dụng: Từ ngày 05/10/2016 đến ngày 05/12/2019 Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện B Lào Cai II đã ký 04 hợp đồng tín dụng với ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H cụ thể:

Hợp đồng tín dụng số: 8803- LAV-201602193/HĐTD ngày 05/10/2016 số tiền cấp tín dụng là: 4.900.000.000 đồng *(Bốn tỷ chín trăm triệu đồng chẵn)*, thời hạn cho vay: 120 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mục đích vay vốn là xây nhà tại tổ 08, thị trấn Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

Hợp đồng tín dụng số: 8803-LAV-201700862/HĐTD ngày 27/04/2017 số tiền cấp tín dụng là: 600.000.000 đồng *(Sáu trăm triệu đồng chẵn)*, thời hạn cho vay: 120 tháng kể từ ngày ký hợp đồng ,mục đích vay vốn: Sửa chữa nhà ở và mua sắm đồ dùng gia đình

Hợp đồng tín dụng số: 8803-LAV-201702055 ngày 09/11/2017 số tiền cấp tín dụng là: 400.000.000 đồng *(Bốn trăm triệu đồng chẵn)*. Thời hạn cho vay: 36 tháng, mục đích vay vốn: Mua sắm đồ dùng và thiết bị nhà bếp.

Hợp đồng tín dụng số: 8803-LAV-201902289 ngày 05/12/2019 số tiền cấp tín dụng là: 300.000.000 đồng *(Ba trăm triệu đồng chẵn)*. Thời hạn cho vay: 12 tháng, mục đích vay vốn: Giết mổ gia súc, gia cầm.

Tại các biên bản làm việc ngày 26/06/2019 đến ngày 11/08/2020 giữa Ngân hàng và bà Nguyễn Thị H và giấy báo nợ đến hạn, thông báo nợ đến hạn và quá hạn, thông báo chuyển nợ quá hạn, thông báo đòi nợ, thông báo chấm dứt giải ngân và thu hồi nợ trước hạn từ năm 2019 đến năm 2020, thông báo xử lý tài sản bảo đảm toàn bộ các giấy tờ trên bà Nguyễn Thị H đều ký nhận, vào ngày 16/03/2020 bà Nguyễn Thị H có bản cam kết trả nợ và nhất trí các khoản nợ gốc và lãi trong hạn, lãi quá hạn.

Về hình thức hợp đồng tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về hợp đồng dân sự, các bên tự nguyện tham gia ký kết, không bị ai ép buộc. Nội dung hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Xét hợp đồng thế chấp: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 03102016 ký ngày 03/10/2016 đã được công chứng ngày 04/10/2016 tại ủy ban thị trấn huyện B, đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B ngày 04/10/2016 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng N, bên thế chấp là ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H thế chấp thửa đất có diện tích: 120m^2 chứng nhận quyền sử dụng đất số:Y034110; Số vào sổ cấp GCN: 00779 do UBND huyện B cấp ngày 20/10/2003. Việc thế chấp do ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H là chủ sở hữu hợp pháp của tài sản theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc thế chấp hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp, hợp đồng thế chấp được lập bằng văn bản các bên chủ thể tham gia giao kết là người có

thẩm quyền, cùng thống nhất về quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng thế chấp được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ đúng theo quy định của pháp luật.

[2.3] Việc thực hiện hợp đồng: Ngân hàng N đã tiến hành giải ngân cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết là hợp đồng tín dụng số: Hợp đồng tín dụng số: 8803- LAV-201602193/HĐTD ngày 05/10/2016 số tiền cấp tín dụng là: 4.900.000.000 đồng *(Bốn tỷ chín trăm triệu đồng chẵn)*; Hợp đồng tín dụng số: 8803-LAV-201700862/HĐTD ngày 27/04/2017 số tiền cấp tín dụng là: 600.000.000 đồng *(Sáu trăm triệu đồng chẵn)*; Hợp đồng tín dụng số: 8803-LAV-201702055 ngày 09/11/2017 số tiền cấp tín dụng là: 400.000.000 đồng *(Bốn trăm triệu đồng chẵn)*; Hợp đồng tín dụng số: 8803-LAV-201902289 ngày 05/12/2019 số tiền cấp tín dụng là: 300.000.000 đồng *(Ba trăm triệu đồng chẵn)*. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng nên toàn bộ khoản vay bị chuyển nợ quá hạn. Như vậy, ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H đã vi phạm hợp đồng không thực hiện nghĩa vụ trả gốc, lãi theo hợp đồng.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngân hàng N xác định tính đến ngày 14/09/2023 ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H phải trả tổng số tiền là: 6.507.141.891 đồng (Sáu tỷ năm trăm linh bẩy triệu một trăm bốn mươi mốt nghìn tám trăm chín mốt đồng). Trong đó dư nợ gốc: 4.160.337.000 đồng (Bốn tỷ một trăm sáu mươi triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn đồng). Nợ lãi trong hạn: 2.141.770.285 đồng (Hai tỷ một trăm bốn mươi mốt triệu,bảy trăm bảy mươi nghìn, hai trăm tám lăm đồng) và Nợ lãi quá hạn: 205.034.606 đồng (Hai trăm linh năm triệu, không trăm ba mươi tư nghìn, sáu trăm linh sáu đồng). Việc cho vay, cách tính lãi suất của Ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật và hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H phải trả khoản nợ trên.

Trường hợp ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trên thì Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa các bên để đảm bảo thi hành án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 14/07/2023 Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Xuân Hải đã có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với hợp đồng thế chấp số: 23072015 ký ngày 22/7/2015 kèm

phụ lục hợp đồng thế chấp số: 29052018/PLHĐ ngày 29/05/2018. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện trên là hoàn toàn tự nguyện hợp pháp cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: Không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với hợp đồng thế chấp số: 23072015 ký ngày 22/7/2015 kèm phụ lục hợp đồng thế chấp số: 29052018/PLHĐ ngày 29/05/2018.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí thẩm định tại chỗ: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điểm a,b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 328 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 241, 288, 292, 299, 317, 318, 320, 322, 401, 463, 466; khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 91; 95; 98 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Án lệ số 08/2016/AL;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền nợ gốc và lãi tính đến đến ngày 14/09/2023,tổng số tiền là: 6.507.141.891 đồng (Sáu tỷ năm trăm linh bẩy triệu một trăm bốn mươi mốt nghìn tám trăm chín mốt đồng). Trong đó dư nợ gốc: 4.160.337.000 đồng (Bốn tỷ một trăm sáu mươi triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn đồng). Nợ lãi trong hạn: 2.141.770.285 đồng (Hai tỷ một trăm bốn mươi mốt triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn, hai trăm tám lăm đồng) và Nợ lãi quá hạn: 205.034.606 đồng (Hai trăm linh năm triệu, không trăm ba mươi tư nghìn, sáu trăm linh sáu đồng) theo các hợp đồng tín dụng với ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H số: Hợp đồng tín dụng số: 8803- LAV-201602193/HĐTD ngày 05/10/2016; Hợp đồng tín dụng số: 8803-LAV-201700862/HĐTD ngày 27/04/2017; Hợp đồng tín dụng số: 8803-LAV-201702055 ngày 09/11/2017; Hợp đồng tín dụng số: 8803-LAV-201902289 ngày 05/12/2019 cùng Hợp đồng

thế chấp quyền sử dụng đất số: 03102016 ký ngày 03/10/2016 được ký kết giữa Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam với ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thi hành xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà người vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về thực hiện nghĩa vụ thế chấp: Trường hợp ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ trên cho Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp theo quy định của Luật Thi hành án dân sự để thu hồi khoản nợ trên cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 03102016 ký kết ngày 03/10/2016 đã được công chứng tại Ủy ban nhân dân thị trấn Bát Xát, huyện B ngày 04/10/2016 và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B ngày 04/10/2016 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng N chi nhánh huyện B Lào Cai bên thế chấp là ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H. Thế chấp thửa đất có diện tích: 140m^2 đất ở, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: Y034110; Số vào sổ cấp GCN: 00779 do UBND huyện B cấp ngày 20/10/2003.

(Có bảng kê tọa độ và trích lục thửa đất kèm theo và đây là phần không thể tách rời của bản án).

Trường hợp đã xử lý hết tài sản thế chấp nêu trên mà vẫn chưa thu hồi hết khoản nợ của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H thì ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H tiếp tục phải có trách nhiệm thanh toán hết số tiền nợ còn lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút về việc không đề nghị Tòa án giải quyết đối với Hợp đồng thế chấp số: 23072015 ký ngày 22/7/2015 kèm phụ lục hợp đồng thế chấp số: 29052018/PLHĐ ngày 29/05/2018.

4.Về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

- Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu 68.535.709.000 đồng *(Sáu mươi tám triệu năm trăm ba mươi lăm bảy trăm linh chín nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 114.269.491 đồng *(Một trăm mười bốn triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm chín mốt đồng)* theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002417 ngày 24/05/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu 7.571.500 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Xác nhận Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đã nộp đủ số tiền trên, vì vậy ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H mỗi người có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N số tiền là 7.571.500 đồng (Bẩy triệu năm trăm bẩy mươi mốt nghìn lăm trăm đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKS huyện BX
- Các đương sự;
- THADS TP;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thanh Hương